

Số: *191* /SXĐ-QLXD

Trà Vinh, ngày *25* tháng 02 năm 2020

V/v hướng dẫn công tác quản lý  
chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn  
tỉnh Trà Vinh

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành tỉnh;  
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;  
- Phòng KTHT, QLĐT các huyện, thị xã, thành phố;  
- Ban QLDA các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Sau đây gọi là Nghị định số 68/2019/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Sau đây gọi là Thông tư số 09/2019/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (Sau đây gọi là Thông tư số 13/2019/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng (Sau đây gọi là Thông tư số 16/2019/TT-BXD);

Căn cứ Công văn số 565/UBND-CNXD ngày 21/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện, phổ biến nội dung các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh (Sau đây gọi là Công văn số 565/UBND-CNXD),

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 2 Công văn nêu trên, Sở Xây dựng hướng dẫn công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, cụ thể như sau:

### **1. Về đơn giá xây dựng công trình**

Tiếp tục sử dụng bộ đơn giá xây dựng công trình đã được công bố tại các Quyết định số: 1309/QĐ-UBND ngày 28/6/2018, 1379/QĐ-UBND ngày 09/7/2018, 1380/QĐ-UBND ngày 09/7/2018, 1381/QĐ-UBND ngày 09/7/2018, 1382/QĐ-UBND ngày 09/7/2018, 1383/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phục vụ công tác lập tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bộ đơn giá xây dựng công trình theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD.

## 2. Về điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình

- Chủ đầu tư cập nhật lại cơ cấu tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn xác định theo định mức được công bố tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD, Thông tư số 13/2019/TT-BXD (Đối với các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới).

- Đối với các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đã ký kết hợp đồng thì giá trị lấy theo hợp đồng đã ký kết, cập nhật vào bảng tổng hợp tổng mức đầu tư, bảng tổng hợp dự toán xây dựng công trình.

## 3. Một số nội dung khác

- Trường hợp xác định tổng mức đầu tư điều chỉnh, dự toán xây dựng điều chỉnh làm vượt giá trị tổng mức đầu tư theo chủ trương được duyệt thì chủ đầu tư điều chỉnh chủng loại, xuất xứ vật tư, thiết bị đảm bảo yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật nhưng đảm bảo không vượt giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc trình cấp quyết định chủ trương đầu tư xem xét quyết định.

- Dự toán chi phí khảo sát xây dựng (khảo sát địa chất, khảo sát địa hình, khảo sát đo vẽ hiện trạng) được lập theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 9 Thông tư số 09/2019/TT-BXD.

- Bảng tổng hợp tổng mức đầu tư xây dựng, bảng tổng hợp dự toán xây dựng công trình, bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng thực hiện theo quy định tại bảng 1.2 Phụ lục 1, bảng 2.1 Phụ lục 2, bảng 3.1 Phụ lục 3 Thông tư số 09/2019/TT-BXD (Đính kèm).

## 4. Cách thức thực hiện

- Chủ đầu tư tổ chức lập, trình Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định, trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh, tổng dự toán xây dựng công trình điều chỉnh theo Công văn số 565/UBND-CNXD và nội dung hướng dẫn này.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các chủ đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện tổ chức lập, trình cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc, thực hiện thẩm định, trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh, tổng dự toán xây dựng công trình điều chỉnh theo Công văn số 565/UBND-CNXD và nội dung hướng dẫn này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Sở Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trường hợp vượt thẩm quyền./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở (h/c);
- Website Sở, các TT thuộc Sở;
- Lưu: VP, P.QLXD *châu*



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Văn Hùng*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 565/UBND-CNXD

Trà Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

V/v triển khai thực hiện, phổ biến nội dung các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng

Xét Báo cáo số 50/BC-SXD ngày 18/02/2020 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc họp triển khai thực hiện, phổ biến nội dung các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và ý kiến của các đại biểu dự họp ngày 20/02/2020; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý việc tiếp tục sử dụng bộ đơn giá hiện hành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phục vụ công tác lập tổng mức đầu tư điều chỉnh, dự toán xây dựng điều chỉnh trong thời điểm hiện nay để đẩy nhanh tiến độ và tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng như ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng.

2. Giao Sở Xây dựng thực hiện:

- Tổ chức thuê đơn vị tư vấn lập bộ đơn giá, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác lập tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình.

- Có văn bản hướng dẫn các chủ đầu tư điều chỉnh cơ cấu chi phí tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ và các Thông tư có liên quan;

- Trường hợp điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt, Sở Xây dựng hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện đúng theo quy định hiện hành để trình người quyết định đầu tư quyết định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiến độ và tiết kiệm chi phí của dự án./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, Phòng CNXD.

03

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**

Bảng 1.2. TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: .....  
 Chủ đầu tư/Cơ quan chuẩn bị dự án:.....  
 Tư vấn lập dự án:.....  
 Địa điểm XD:.....  
 Thời điểm lập dự án: tháng/năm  
 Thời gian thực hiện dự án: từ tháng/năm đến tháng/năm  
 Nguồn vốn đầu tư:.....  
 Loại, cấp công trình có cấp cao nhất:.....

Đơn vị tính: ...

| TT       | NỘI DUNG CHI PHÍ   | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | THUẾ GTGT | GIÁ TRỊ SAU THUẾ |
|----------|--|--------------------|-----------|------------------|
| [1]      | [2]  | [3]                | [4]       | [5]              |
| <b>1</b> | <b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>           |                    |           | <b>GBT, TDC</b>  |
| <b>2</b> | <b>Chi phí xây dựng</b>                                    |                    |           | <b>GXD</b>       |
| 2.1      | Công trình...  |                    |           |                  |
| 2.2      | Công trình.....  |                    |           |                  |
| 2.2      | Chi phí xây dựng công trình phụ trợ                        |                    |           |                  |
|          | .....  |                    |           |                  |
| <b>3</b> | <b>Chi phí thiết bị</b>                                    |                    |           | <b>GTB</b>       |
| <b>4</b> | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                               |                    |           | <b>GQLDA</b>     |
| <b>5</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>                      |                    |           | <b>GTV</b>       |
| 5.1      | Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng     |                    |           |                  |
| 5.2      | Chi phí thiết kế xây dựng công trình                       |                    |           |                  |
| 5.3      | Chi phí giám sát thi công xây dựng                         |                    |           |                  |
|          | .....  |                    |           |                  |
| <b>6</b> | <b>Chi phí khác</b>  |                    |           | <b>GK</b>        |
| 6.1      | Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ                             |                    |           |                  |
| 6.2      | Chi phí bảo hiểm   |                    |           |                  |
|          | .....  |                    |           |                  |
| <b>7</b> | <b>Chi phí dự phòng (GDP1 + GDP2)</b>                      |                    |           | <b>GDP</b>       |
| 7.1      | Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh |                    |           | <b>GDP1</b>      |
| 7.2      | Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá                      |                    |           | <b>GDP2</b>      |
|          | TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5+6+7)                                  |                    |           | <b>VTM</b>       |

NGƯỜI LẬP  
(ký, họ tên)

NGƯỜI CHỦ TRÌ  
(ký, họ tên)

Chứng chỉ hành nghề định giá XD hạng ..., số ...

**Bảng 2.1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Tên Dự án:.....

Tên Công trình:.....

Thời điểm lập dự toán (ngày, tháng, năm):.....

| STT      | NỘI DUNG CHI PHÍ  | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | THUẾ GTGT | GIÁ TRỊ SAU THUẾ | KÝ HIỆU                 |
|----------|---|--------------------|-----------|------------------|-------------------------|
| [1]      | [2]   | [3]                | [4]       | [5]              | [6]                     |
| <b>1</b> | <b>Chi phí xây dựng</b>                                     |                    |           |                  | <b>G<sub>XD</sub></b>   |
| 1.1      | Chi phí xây dựng công trình                                 |                    |           |                  |                         |
| 1.2      | Chi phí xây dựng công trình phụ trợ (trừ lán trại).         |                    |           |                  |                         |
| ...      | ...   |                    |           |                  |                         |
| <b>2</b> | <b>Chi phí thiết bị</b>                                     |                    |           |                  | <b>G<sub>TB</sub></b>   |
| <b>3</b> | <b>Chi phí quản lý dự án đầu tư</b>                         |                    |           |                  | <b>G<sub>QLDA</sub></b> |
| <b>4</b> | <b>Chi tư vấn đầu tư xây dựng</b>                           |                    |           |                  | <b>G<sub>TV</sub></b>   |
| 4.1      | Chi phí thiết kế xây dựng công trình                        |                    |           |                  |                         |
| 4.2      | Chi phí giám sát thi công xây dựng                          |                    |           |                  |                         |
| ...      | ...   |                    |           |                  |                         |
| <b>5</b> | <b>Chi phí khác</b>   |                    |           |                  | <b>G<sub>K</sub></b>    |
| 5.1      | Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ                              |                    |           |                  |                         |
| 5.2      | Chi phí bảo hiểm công trình                                 |                    |           |                  |                         |
| 5.3      | ...   |                    |           |                  |                         |
| <b>6</b> | <b>Chi phí dự phòng (G<sub>DP1</sub> + G<sub>DP2</sub>)</b> |                    |           |                  | <b>G<sub>DP</sub></b>   |
| 6.1      | Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh  |                    |           |                  | <b>G<sub>DP1</sub></b>  |
| 6.2      | Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá                       |                    |           |                  | <b>G<sub>DP2</sub></b>  |
|          | <b>TỔNG CỘNG ( 1+ 2 + 3 + 4 + 5+6)</b>                      |                    |           |                  | <b>G<sub>XDCT</sub></b> |

**NGƯỜI LẬP**  
(ký, họ tên)

**NGƯỜI CHỦ TRÌ**  
(ký, họ tên)

**Bảng 3.1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG TÍNH THEO ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CHI TIẾT KHÔNG ĐẦY ĐỦ VÀ GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP KHÔNG ĐẦY ĐỦ**

Tên dự án: .....

Tên công trình: .....

Thời điểm lập: .....

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ  | CÁCH TÍNH  | GIÁ TRỊ | KÝ HIỆU                        |
|-----|---|--|---------|--------------------------------|
| I   | <b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>  |  |         |                                |
| 1   | Chi phí vật liệu  | $\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{vl}$               |         | VL                             |
| 2   | Chi phí nhân công   | $\sum_{j=1}^m Q_j \times D_j^{nc} \times K_{nc}$ |         | NC                             |
| 3   | Chi phí máy và thiết bị thi công                                    | $\sum_{j=1}^h Q_j \times D_j^m \times K_m$       |         | M                              |
|     | <b>Chi phí trực tiếp</b>  | VL+NC+M  |         | T                              |
| II  | <b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>  |  |         |                                |
| 1   | Chi phí chung   | T x tỷ lệ  |         | C                              |
| 2   | Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công                          | T x tỷ lệ  |         | LT                             |
| 3   | Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế | T x tỷ lệ  |         | TT                             |
| 4   | Chi phí gián tiếp khác  | Dự toán  |         | GT <sub>k</sub>                |
|     | <b>Chi phí gián tiếp</b>  | C + LT + TT + GT <sub>k</sub>                    |         | GT                             |
| III | <b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>                                | (T+GT) x tỷ lệ                                   |         | TL                             |
|     | <b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>                                  | (T+GT+TL)  |         | G                              |
| V   | <b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  | G x T <sup>GTGT-XD</sup>                         |         | GTGT                           |
|     | <b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>                                    | G + GTGT   |         | G <sub>XD</sub> <sup>PDC</sup> |

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**NGƯỜI CHỦ TRÌ**

*(ký, họ tên)*

Chứng chỉ hành nghề định giá XD hạng ..., số ...